

Số: /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 208/GPMT-BH ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Công ty TNHH Bắc Hà về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất giấy Bắc Hà” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Bắc Hà, địa chỉ tại số 188A-188B, đường Võ Nguyên Giáp, tổ dân phố Song Khê, phường Tiên Phong, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất giấy Bắc Hà” tại một phần lô đất CN-05, Cụm công nghiệp Yên Lư, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất giấy Bắc Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Yên Lư, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2400102899, cấp đăng ký lần đầu ngày 30/01/1993, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 17/07/2026 bởi Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

1.4. Mã số thuế: 2400102899.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế, sử dụng phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Tổng diện tích: 40.941,04 m², trong đó:
- + Diện tích khu vực dự án tại lô đất CN-05, Cụm công nghiệp Yên Lư: 40.868 m².
- + Diện tích khu vực trạm bơm nước thô tại vị trí K8+345 đê tả cầu Ba Tổng, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh: 73,04 m².
- + Tuyến ống dẫn nước thô dài 1.456 m, đi ngầm trong hành lang quốc lộ 17 và dải cây xanh Cụm công nghiệp Yên Lư (đã được chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 896/UBND-KTN ngày 28/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh).
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Dự án đầu tư thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.
- Công suất thiết kế: Sản xuất giấy bao bì dạng cuộn với công suất 200.000 tấn sản phẩm/năm.
- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu → Nghiền thủy lực → Lọc cát nồng độ cao → Thấp chứa bột → Sàng thô → Lọc cát nồng độ trung → Sàng phân ly tách sợi (bột xơ sợi ngắn được đưa đi cô đặc; bột xơ sợi trung được đưa đi sàng, lọc, cô đặc, phân tán nhiệt, nghiền; bột xơ sợi dài được đưa đi sàng, lọc, cô đặc, nghiền) → Bể phối trộn → Bể máy xeo (gồm tiếp cận xeo lớp mặt, tiếp cận xeo lớp đế) → Hòm phun bột → Phân lưới dài → Ép ướt → Sấy trước ép keo → Gia keo bề mặt → Sấy sau ép keo → Ép quang → Cuộn giấy → Cắt cuộn lại và bao gói → Sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.4. Được phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bắc Hà:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Bắc Hà có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách

nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành đến ngày tháng năm 2033).

Điều 4. Giao Cục trưởng Cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bắc Ninh (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Tài chính (Cục Hải quan);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Công ty CP XD và DVTM Tuấn Quỳnh;
- Công ty TNHH Bắc Hà;
- Lưu: VT, MT, Hi.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Yên Lư để tiếp tục xử lý (căn cứ Văn bản số 405/TQ-YL ngày 03/4/2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh về việc chấp thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của Dự án; Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong Cụm công nghiệp Yên Lư số 910/2025/HĐ-CCNYL giữa Công ty TNHH Bắc Hà và Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh), không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà văn phòng, khu vực chuẩn bị bột và sản xuất xeo và khu nhà để xe được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (đặt ngầm tại các khu nhà vệ sinh), sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 3.500 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các công đoạn sản xuất, từ kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, từ nhà lò hơi và bể đập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 3.500 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất 3.500 m³/ngày, một phần được tái sử dụng vào quy trình sản xuất của Dự án, phần còn lại (tối đa không quá 950 m³/ngày) được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Yên Lư.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Mương tách rác, cát (T01 A/B) → Bể thu gom (T02) → Bể điều hòa (T03A) → Cụm hóa lý bậc 1 (Bể trung hòa 1 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1) → Bể tuyển nổi (DAF) → Tháp giải nhiệt → Bể axit hóa (bể trung gian 1) → Bể kỵ khí UASB → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Cụm bể hóa lý bậc 2 (cụm fenton: chỉ vận hành khi nhân viên vận hành lấy mẫu, đo nhanh nước thải có kết quả không đạt tiêu chuẩn đầu nối) → Bể lắng hóa lý 2 → Bể chứa nước sau xử lý → Tách 02 dòng:

- + Dòng số 01 (tuần hoàn, tái sử dụng vào quy trình sản xuất của Dự án) → Cụm xử lý hóa lý bậc 3 (Bể trung hòa 3 → Bể keo tụ 3 → Bể tạo bông 3 → Bể lắng hóa lý 3 (chỉ vận hành cụm hóa lý bậc 3 khi nhân viên vận hành lấy mẫu, đo nhanh nước thải có kết quả đối với thông số độ cứng > 200 mgCaCO₃/l) → Bể chứa nước tái sử dụng → Tái sử dụng vào quy trình sản xuất.

- + Dòng số 02 (tối đa không quá 950 m³/ngày) đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Yên Lư.

- Công suất thiết kế: 3.500 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, PAM, H₂SO₄, NH₄Cl, Na₃PO₄, H₂O₂, FeSO₄ (hoặc các hóa chất tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Yên Lư, và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

01 bể sự cố nước thải dung tích 2.106 m³ (02 ngăn).

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật hiện hành; bố trí cán bộ, nhân viên có chuyên môn thực hiện công tác quản lý, giám sát và vận hành hàng ngày; thiết lập quy trình bảo trì, bảo dưỡng định kỳ toàn bộ hệ thống thiết bị.

- Lập sổ nhật ký vận hành để ghi chép lại nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải từng ca sản xuất.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành trạm xử lý nước thải tại khu vực xử lý.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho trạm xử lý như máy thổi khí, máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

b) Quy trình ứng phó sự cố:

Xây dựng các kịch bản phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 3.500 m³/ngày và đưa ra các giải pháp cụ thể để khắc phục:

- Trường hợp 1: Khi nhân viên vận hành phát hiện sự cố nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu nối thông qua việc lấy mẫu nước thải sau xử lý hàng ngày, đo nhanh, tiến hành đóng van xả nước thải dẫn về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Yên Lư. Trường hợp phát hiện các thiết bị như máy thổi khí, máy bơm, máy khuấy bị hỏng nhanh chóng sửa chữa hoặc thay thế bằng thiết bị dự phòng trong thời gian ngắn nhất để tiếp tục vận hành lại trạm xử lý nước thải.

- Trường hợp 2: Khi nhân viên vận hành phát hiện sự cố lớn đối với trạm xử lý nước thải (một trong các bể xử lý bị nứt, vỡ) không thể khắc phục ngay được, tiến hành đóng van xả nước thải dẫn về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Yên Lư và bơm nước thải từ hố gom và các bể xử lý về bể sự cố dung tích 2.106 m³ và tiến hành khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành bơm nước thải từ bể sự cố về bể thu gom của trạm xử lý nước thải để xử lý. Trường hợp khi bể sự cố chứa đầy nước thải thì chuyển sang quy trình ứng phó sự cố tại trường hợp 3.

- Trường hợp 3: Khi trạm xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng (các bể xử lý bị nứt, vỡ, không thể vận hành trạm xử lý nước thải), Công ty tạm dừng hoạt động sản xuất của Dự án đến khi khắc phục sự cố xong hoặc thông báo tới Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại Tuấn Quỳnh để phối hợp, tìm giải pháp khắc phục.

1.4.3. Vị trí đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm

công nghiệp Yên Lư: 01 vị trí có tọa độ: $X(m) = 2343748$; $Y(m) = 417791$ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}00$, múi chiều 3°).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

Thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng Dự án theo đề xuất của Công ty TNHH Bắc Hà, cụ thể:

3.1.1. Nước thải sinh hoạt: Bố trí các nhà vệ sinh lưu động tại công trường để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường.

3.1.2. Nước thải phát sinh từ hoạt động xây dựng:

- Tại khu vực các hạng mục công trình của Dự án (rửa xe, vệ sinh phương tiện, thiết bị thi công): Bố trí hố lắng tại khu vực phát sinh nước thải xây dựng để lắng cặn và tách dầu, có lót vải địa kỹ thuật chống thấm. Nước thải sau khi lắng cặn, tách dầu mỡ được tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động rửa xe, vệ sinh phương tiện và thiết bị trên công trường, không xả thải ra môi trường; vật liệu thấm dầu sau sử dụng được quản lý theo quy định đối với chất thải nguy hại.

- Tại khu vực tuyến ống truyền dẫn nước thô: Thực hiện thi công cuốn chiếu theo từng đoạn, hạn chế mở đồng thời nhiều đoạn rãnh; đất đào được tập kết gọn trong phạm vi công trường, không để đất, cát tràn xuống hệ thống thoát nước.

3.1.3. Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống mương thoát nước và hố ga lắng cặn tạm xung quanh khu vực dự án để thu gom nước mưa chảy tràn trong phạm vi Dự án trước khi thi công. Toàn bộ nước mưa chảy tràn tại công trường thi công được thu gom vào hệ thống thoát nước và hố ga lắng để lắng cặn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Yên Lư.

- Tại khu vực trạm bơm nước thô: Bố trí hố lắng tạm trong khu vực trạm bơm nước thô để thu gom nước mưa; nước mưa sau khi lắng cặn được bơm ra sông Cầu.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

3.2.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Yên Lư theo quy định của pháp luật.

3.2.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Cụm công nghiệp Yên Lư, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.2.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải tại Dự án.

3.2.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành các công trình xử lý nước thải theo đúng quy định của pháp luật.

3.2.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Yên Lư để tiếp tục xử lý.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 55 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 02: Khí (mùi) phát sinh từ bể thu gom, bể điều hòa, bể sục cạo và bể chứa bùn sinh học, hóa lý của trạm xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng số 1:

- Vị trí xả khí thải: Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 55 tấn hơi/giờ, tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2343958$; $Y(m) = 417854$.
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $184.225 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả liên tục ra môi trường không khí qua ống khói.

2.2. Dòng số 2:

- Vị trí xả khí thải: Ống thải của hệ thống xử lý khí (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2343845$; $Y(m) = 417818$.
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $2.100 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả liên tục ra môi trường không khí qua ống thải.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}00$, múi chiều 3°).

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

a) Đối với dòng số 1:

Chất lượng khí thải từ hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than đồng xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ Dự án trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B) và QCVN 30:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ ống khói (điểm lấy mẫu)	$^{\circ}\text{C}$	≤ 180	-	Phải lắp đặt
2	Nhiệt độ buồng đốt sơ cấp	$^{\circ}\text{C}$	≥ 400	-	Phải lắp đặt

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	Nhiệt độ buồng đốt thứ cấp	°C	≥ 850	-	Phải lắp đặt
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 40 (12)	03 tháng/lần	Phải lắp đặt
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	≤ 100 (12)		Phải lắp đặt
6	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 250 (12)		Phải lắp đặt
7	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm ³	≤ 25 (12)		Phải lắp đặt
8	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	≤ 180 (12)		Phải lắp đặt
9	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤ 20 (12)		Không thuộc đối tượng
10	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤ 3 (12)		
11	Flo (F) và hợp chất F (tính theo Florua)	mg/Nm ³	≤ 3 (12)		
12	Độ khói	Giá trị ringelmann	≤ 2		
13	Thủy ngân (Hg) và hợp chất Hg (tính theo Hg)	mg/Nm ³	≤ 0,05 (12)		
14	Tổng kim loại Cd, Tl và hợp chất tương ứng	mg/Nm ³	≤ 0,05 (12)	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
15	Tổng các kim loại (bao gồm: Sb, As, Pb, Cr, Co, Cu, Mn, Ni, V và hợp chất tương ứng)	mg/Nm ³	≤ 0,5 (12)		
16	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	≤ 40 (12)		
17	Dioxin/Furan	ngTEQ/Nm ³	≤ 0,2 (12)	01 năm /lần	

b) Đối với dòng số 2:

Chất lượng khí thải từ hệ thống xử lý khí (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤ 20	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤ 7		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	≤ 12		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý.

- Nguồn số 02: Khí (mùi) phát sinh từ bể thu gom, bể điều hòa, bể sục cạo và bể chứa bùn sinh học, hóa lý của trạm xử lý nước thải được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý khí (mùi) của trạm xử lý nước thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải (sau khi được phun urê khử NO_x tại buồng đốt) → Bộ giải nhiệt (nước, khí) → Cyclone chùm → Lọc bụi túi vải → Tháp hấp thụ → Thiết bị tách ẩm → Tháp hấp phụ → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 184.225 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH/Ca(OH)₂, Urê, than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương bảo đảm không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý khí (mùi) phát sinh từ bể thu gom, bể điều hòa, bể sục cạo và bể chứa bùn sinh học, hóa lý của trạm xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí (mùi) → Tháp hấp thụ, tách ẩm → Tháp hấp phụ → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 2.100 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương bảo đảm không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Tại ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 55 tấn hơi/giờ.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ (vùng sơ cấp, vùng thứ cấp, ống khói), O₂, bụi, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), CO, HCl.

- Camera theo dõi: Bảo đảm hoàn thành trước khi tổ chức vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

- Kết nối, truyền số liệu: Hoàn thành việc kết nối dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để theo dõi, giám sát theo quy định trước khi tổ chức vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý khí thải; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của các hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Duy trì hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục tại ống khói thải để kiểm soát chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường (thông số quan trắc theo quy định).

- Khi xảy ra sự cố hoặc khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu, dừng hoạt động sản xuất tại hệ thống xử lý khí thải tương ứng, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố và không gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 06 tháng kể từ ngày hoàn thành xây lắp và có văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất thiết kế 184.225 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Bắc Hà phải giám sát các chất ô nhiễm đối với khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại điểm a Mục 2.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả ra ngoài môi trường) trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

Có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng Dự án theo đề xuất của Công ty TNHH Bắc Hà, cụ thể:

3.1.1. Bố trí hàng rào tôn cao khoảng từ 2 - 3 m xung quanh khu vực thi công xây dựng.

3.1.2. Chỉ sử dụng những phương tiện vận tải đã được đăng kiểm theo quy định, vận chuyển đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, chất thải, không để rơi vãi nguyên vật liệu, chất thải và phát tán bụi ra ngoài môi trường.

3.1.3. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo các máy móc, thiết bị luôn hoạt động tốt, giảm thiểu tối đa bụi, khí thải phát sinh.

3.1.4. Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trong khu vực thi công và trên tuyến đường nội bộ trong khu vực dự án.

3.1.5. Tưới nước dập bụi tại những khu vực phát sinh nhiều bụi.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

3.2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2.2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.2.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Bắc Hà có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3.2.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh trước 45 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.2.5. Hoàn thành hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và đảm bảo được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh trước khi tổ chức vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Các thiết bị quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc bụi, khí thải tự động liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.2.6. Máy phát điện không phải nguồn phát sinh khí thải công nghiệp phải xử lý, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.2.7. Công ty TNHH Bắc Hà chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy móc, thiết bị chuẩn bị bột giấy (nghiền thủy lực, lọc cát nồng độ cao, sàng thô, sàng phân sợi, máy ép rác) tại khu vực xưởng bột.
- Nguồn số 02: Dây chuyền, thiết bị xeo giấy (tuabin chân không, máy nén khí, hệ thống phun rửa, ép quang, máy cắt cuộn lại, bơm bột, bơm tuần hoàn hệ thống) tại khu vực xưởng xeo.
- Nguồn số 03: Máy móc, thiết bị (quạt hút, quạt cấp gió, máy bơm nước, máy băm rác) tại khu vực lò hơi công suất thiết kế 55 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 04: Máy móc, thiết bị (máy thổi khí, máy bơm, máy ép bùn) tại khu vực trạm xử lý nước thải công suất 3.500 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 05: Máy móc, thiết bị (máy phát điện dự phòng, máy bơm) tại khu vực phòng bơm, phòng máy phát điện.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn (đơn vị dBA):

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	06h00 đến trước 18h00	18h00 đến trước 22h00	22h00 đến trước 06h00
Khu vực E	70	65	60

2.2. Độ rung (đơn vị dB):

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	06h00 đến trước 22h00	22h00 đến trước 06h00
Khu vực D	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

- Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm; sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.
- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn có độ ồn cao; chỉ thi công xây dựng dự án vào các khoảng thời gian thích

hợp, đảm bảo không gây tác động xấu do tiếng ồn, độ rung đến người dân sinh sống gần khu vực thực hiện dự án.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thiết kế các bộ phận giảm âm hoặc thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động ổn định nhằm giảm thiểu tiếng ồn. Trồng dải cây xanh cách ly để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm chống rung cho máy móc, thiết bị có công suất lớn để giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn khi hoạt động bằng các máy móc, thiết bị mới, hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4

**NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI
LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu (tấn/năm)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1	Giấy kraft hoặc bìa kraft hoặc giấy hoặc bìa sóng, chưa tẩy trắng.	4707 10 00	192.000
2	Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ.	4707 20 00	

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ
NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT:**

1. Hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu:

1.1. Loại phế liệu sử dụng: Loại phế liệu có tên và mã HS nêu tại Phần A Phụ lục này.

1.2. Tóm tắt quy trình công nghệ trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu:

- Hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu tại Dự án gồm: 01 dây chuyền sản xuất giấy bao bì dạng cuộn với công suất thiết kế 200.000 tấn/năm (gồm 01 hệ thống xử lý bột và 01 hệ thống xeo giấy với khổ ≥ 4.800 mm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (giấy phế liệu) → Nghiền thủy lực → Lọc cát nồng độ cao → Tháp chứa bột → Sàng thô → Lọc cát nồng độ trung → Sàng phân ly tách sợi (Bột xơ sợi ngắn được đưa đi cô đặc; bột xơ sợi trung được đưa đi sàng, lọc, cô đặc, phân tán nhiệt, nghiền; bột xơ sợi dài được đưa đi sàng, lọc, cô đặc, nghiền) → Bể phối trộn → Bể máy xeo (gồm tiếp cận xeo lớp mặt, tiếp cận xeo lớp đế) → Hòm phun bột → Phần lưới dài → Ép ướt → Sấy trước ép keo → Gia keo bề mặt → Sấy sau ép keo → Ép quang → Cuộn giấy → Cắt cuộn lại và bao gói → Giấy thành phẩm.

1.3. Công suất thiết kế: 200.000 tấn sản phẩm/năm.

1.4. Hệ số hao hụt: 1,2 (để sản xuất 01 tấn sản phẩm cần khoảng 1,2 tấn phế liệu).

1.5. Sản phẩm: Giấy bao bì dạng cuộn (testliner, medium) với công suất 200.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Biện pháp, phương án xử lý các tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu:

2.1. Hệ thống, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu:

Không đầu tư hệ thống xử lý tạp chất đi kèm phế liệu.

2.2. Phương án chuyển giao, xử lý các tạp chất:

- Tạp chất tách ra từ phế liệu được thu gom, quản lý cùng các chất thải của Nhà máy.

- Công ty ký hợp đồng chuyển giao tạp chất khác (không tận dụng làm nhiên liệu lò hơi được) đi kèm theo phế liệu với đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu đối với kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Diện tích kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu và trong nước khoảng 4.753,85 m², trong đó:
- + Diện tích kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu khoảng 3.803,0 m²;
- + Diện tích kho lưu giữ phế liệu trong nước là 950,85 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Khu vực lưu giữ phế liệu được bố trí bên trong nhà xưởng sản xuất, được thiết kế nền bê tông đảm bảo không rạn nứt, đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán, có cao độ nền đảm bảo chống nước mưa chảy tràn vào bên trong; bố trí hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Vật liệu làm tường và vách ngăn: Nhà xưởng sản xuất được thiết kế có mái che bằng tôn, tường xây gạch.

- Biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong: Khu vực lưu giữ phế liệu được bố trí trong nhà xưởng sản xuất có mái che, tường bao nên đã hạn chế gió lùa trực tiếp vào bên trong.

- Hệ thống thu gom nước mưa: Có hệ thống thu gom nước mưa từ mái nhà xưởng, kết nối với hệ thống thoát nước mưa của dự án để tiêu thoát nước mưa chảy tràn ra ngoài môi trường thông qua hệ thống thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Yên Lư.

- Hệ thống thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh: Phế liệu lưu giữ là phế liệu khô, khu vực lưu giữ phế liệu trong nhà xưởng sản xuất có mái che, tường bao an toàn (không cho nước mưa tràn vào trong) nên không phát sinh nước thải từ quá trình lưu giữ phế liệu.

- Khả năng lưu giữ tối đa: Khoảng 13.690,8 tấn.

4. Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu: Không bố trí bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.

5. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

5.1. Chỉ được phép thực hiện hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất sau khi đã hoàn thành các hạng mục dây chuyền sản xuất, công trình bảo vệ môi trường và đảm bảo điều kiện tổ chức vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường này.

5.2. Chỉ được phép nhập khẩu khối lượng phế liệu đảm bảo sức chứa của kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu; chỉ được sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại Dự án theo Giấy phép môi trường này; nhập khẩu đúng chủng loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu quy định tại Phần A Phụ lục này.

5.3. Phế liệu giấy nhập khẩu phải đáp ứng QCVN 33:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, ban hành kèm theo Thông tư số 44/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024.

5.4. Có kế hoạch, lộ trình thực hiện giảm khối lượng phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài, tăng cường thu gom phế liệu giấy phát sinh trong nước làm nguyên liệu sản xuất.

5.5. Phải tái xuất đối với những lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu không đáp ứng QCVN 33:2024/BTNMT. Trường hợp không thể tái xuất, phải có hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để xử lý, tiêu hủy chất thải, phế liệu vi phạm theo quy định pháp luật.

5.6. Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu phải có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ phế liệu được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; sàn bảo đảm kín, chống thấm, chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính

toán; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

5.7. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, phải ghi chép đầy đủ về khối lượng phế liệu sử dụng của hệ thống, thiết bị xử lý, tái chế. Trước 45 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, Chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh theo quy định.

5.8. Phân định, phân loại chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất để có phương án xử lý chất thải phù hợp.

Phụ lục 5**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:**

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: Khoảng 2,2 kg/ngày.
- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Khoảng 435 kg/ngày.
- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 25 kg/ngày.

1.2. Khối lượng chất thải phát sinh trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khoảng 4,17 tấn/năm.
- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 33.256,2 tấn/năm, trong đó:
 - + Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường tự xử lý bằng lò hơi khoảng 30.019 tấn/năm.
 - + Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường chuyển giao cho đơn vị chức năng khoảng 3.237,2 tấn/năm.
- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 42,24 tấn/năm.
- Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Khoảng 7.095,23 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án: 01 kho chứa tạm có diện tích khoảng 10,0 m².
- Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: 01 kho có diện tích khoảng 31,6 m², 02 silô chứa tro bay, dung tích 40 m³/silô.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án: 01 kho chứa tạm có diện tích khoảng 20,0 m² và các thùng chứa có nắp đậy.
- Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: 03 kho có tổng diện tích khoảng 115,0 m² (trong đó: kho số 1 có diện tích khoảng 28,5 m²; kho số 2 có diện tích khoảng 50,0 m²; kho số 3 có diện tích 36,5 m²) và nhà chứa bùn (hóa lý) sau ép có diện tích khoảng 24,0 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án và giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Không bố trí kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được lưu chứa tạm thời tại các thùng chứa có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại dự án theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (làm nhiên liệu cho lò hơi):

- Loại chất thải tự xử lý: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ Dự án (nilon, băng keo, bã giấy, bùn thải (bùn hóa lý bậc 1, bùn tuyển nổi DAF và bùn sinh học) từ trạm xử lý nước thải công suất 3.500 m³/ngày).

- Quy trình xử lý: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ Dự án sau khi được phân loại → Băm nghiền và tách kim loại → Khu vực chứa nguyên liệu trong nhà lò hơi diện tích khoảng 315,0 m² → Phối trộn với than và nhiên liệu biomass → Băng tải cấp liệu → Lò hơi ghi đầy, buồng đốt hai cấp, công suất 55 tấn hơi/giờ → Bụi, khí thải được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 184.225 m³/giờ quy định tại Mục 1.2.1 Phần B Phụ lục 2 Giấy phép môi trường này; tro, xỉ đáy lò và tro bay được thu gom, lưu giữ và quản lý theo quy định đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Khối lượng dự kiến: Khoảng 30.019 tấn/năm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI:

1. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

Công ty TNHH Bắc Hà phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng dự án như đã cam kết, nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự cố chất thải có thể xảy ra. Trường hợp để xảy ra sự cố chất thải gây ô nhiễm môi trường phải đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

2.1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Đầu tư các trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án theo quy định của pháp luật; thực hiện tốt chế độ kiểm tra định kỳ, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

2.3. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư các trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố.

2.4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng

phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

2.5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 6**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Sau khi thực hiện các hạng mục dây chuyền sản xuất và công trình bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường này, Công ty không còn hạng mục tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không được chôn, lấp, đổ, thải chất thải trái quy định ra môi trường. Chuyển giao chất thải phát sinh cho các đơn vị có chức năng và năng lực phù hợp theo quy định.

2. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Các hạng mục công trình chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

4. Bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp và phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất và kế hoạch ứng phó sự cố chất thải, sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.